

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - CÀ MAU,
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2026/DS-ST
Ngày 11-3-2026
Vụ tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hợp.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Việt Thắng.
- Ông Hồ Quang Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hiếu Nghĩa, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 11 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2026/TLST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2026 về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2026/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần V; mã số doanh nghiệp 0100233583, cấp ngày 08/9/1993; địa chỉ: Số H đường L, phường Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện: Ông Lê Minh K, sinh năm 1997 – Chuyên viên xử lý nợ pháp lý; địa chỉ: Số A N, phường L, tỉnh Cà Mau. Là người đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền ngày 22 tháng 12 năm 2025); có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Hồng Ngọc B, sinh năm 1994; số căn cước công dân 096194009250, cấp ngày 15/02/2022; địa chỉ: Ấp Đ, xã P, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 7 năm 2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Lê Minh K trình bày: Ngân hàng thương mại cổ phần V và bà Hồng Ngọc B đã ký kết các khoản vay như sau:

Hợp đồng tín dụng LN2104133607006 có hồ sơ giải ngân số LD2110501456 ngày 15 tháng 4 năm 2021 với số tiền vay 120.000.000 đồng, vay phục vụ nhu cầu chi tiêu cá nhân, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất cho vay trong hạn áp dụng là 23%/năm; thanh toán gốc và lãi theo định kỳ mỗi tháng một lần; Ngân hàng

thương mại cổ phần V đã giải ngân cho bà B toàn bộ số tiền theo hợp đồng tín dụng đã giao kết. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà B đã thanh toán được cho ngân hàng 31.177.008 đồng nợ gốc và 49.342.490 đồng nợ lãi và không tiếp tục thanh toán nghĩa vụ đến hạn còn lại nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ gốc và lãi theo đúng cam kết, thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay đã ký kết. Tính đến hết ngày 11 tháng 3 năm 2026, bà B còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần V với số tiền 179.222.592 đồng, trong đó: Nợ gốc 88.822.992 đồng, nợ lãi 90.399.600 đồng (gồm lãi trong hạn 60.266.400 đồng, lãi quá hạn 30.133.200 đồng).

Hợp đồng tín dụng số 216164006941138100 có hồ sơ giải ngân số LD2135500732 ngày 21 tháng 12 năm 2021 với số tiền vay 30.000.000 đồng, vay phục vụ nhu cầu chi tiêu cá nhân, thời hạn vay đến tháng 9 năm 2026, lãi suất cho vay trong hạn áp dụng là 10%/năm; thanh toán gốc và lãi theo định kỳ mỗi tháng một lần, đã giải ngân xong. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà B đã thanh toán được cho ngân hàng 4.935.166 đồng nợ gốc và 8.756.237 đồng nợ lãi. Tính đến hết ngày 11 tháng 3 năm 2026, bà B còn nợ số tiền 63.156.023 đồng, trong đó: Nợ gốc 25.064.834 đồng, nợ lãi 38.091.189 đồng (gồm lãi trong hạn 25.394.126 đồng, lãi quá hạn 12.697.063 đồng).

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau xem xét, giải quyết, buộc bà B phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V toàn bộ số nợ của hai hợp đồng nêu trên với tổng số tiền là 242.378.615 đồng; trong đó nợ gốc là 113.887.826 đồng, nợ lãi là 128.490.789 đồng. Kể từ ngày 12 tháng 3 năm 2026, bị đơn còn phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã giao kết cho đến khi thanh toán hết khoản nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn không đến Tòa, không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng thương mại cổ phần V cho bà Hồng N Bơ vay với mục đích phục vụ sinh hoạt cá nhân. Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp dân sự mà cụ thể là tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại xã P, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, bà Hồng N Bơ vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập

xét xử hợp lệ đến lần thứ hai. Áp dụng khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, chỉ có Ngân hàng thương mại cổ phần V cung cấp tài liệu chứng cứ. Hội đồng xét xử chỉ căn cứ vào những tài liệu chứng cứ này và kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án cũng như trình bày của bị đơn tại phiên tòa để giải quyết vụ án.

[4] Xét yêu cầu trả nợ của Ngân hàng thương mại cổ phần V, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ngân hàng xác định, bà B có ký Hợp đồng tín dụng LN2104133607006 có hồ sơ giải ngân số LD2110501456 ngày 15 tháng 4 năm 2021 với số tiền vay 120.000.000 đồng, lãi suất cho vay trong hạn áp dụng là 23%/năm, tính đến hết ngày 11 tháng 3 năm 2026, bà B còn nợ số tiền 179.222.592 đồng, trong đó: Nợ gốc 88.822.992 đồng, nợ lãi 90.399.600 đồng; Hợp đồng tín dụng số 216164006941138100 có hồ sơ giải ngân số LD2135500732 ngày 21 tháng 12 năm 2021 với số tiền vay 30.000.000 đồng, lãi suất cho vay trong hạn áp dụng là 10%/năm, tính đến hết ngày 11 tháng 3 năm 2026, bà B còn nợ số tiền 63.156.023 đồng, trong đó: Nợ gốc 25.064.834 đồng, nợ lãi 38.091.189 đồng. Tổng số tiền nợ mà ngân hàng yêu cầu đối với hai khoản vay nêu trên là 242.378.615 đồng; trong đó nợ gốc là 113.887.826 đồng, nợ lãi là 128.490.789 đồng.

Mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Hồng Ngọc B không có ý kiến phản hồi, không tham gia tố tụng, tuy nhiên căn cứ vào việc bà B đã ký kết Hợp đồng vay vốn, đồng thời thực tế ngân hàng đã giải ngân tiền vay cho bà B, cũng như việc bà B đã thực hiện nghĩa vụ thanh toán một phần khoản vay, đủ cơ sở xác định giữa các bên tồn tại quan hệ vay tài sản hợp pháp. Hợp đồng được giao kết trên cơ sở tự nguyện, các bên có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự và năng lực hành vi dân sự, nội dung và hình thức của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại các Điều 117, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và các quy định của pháp luật về hoạt động tín dụng. Do đó, hợp đồng tín dụng đã giao kết nêu trên có hiệu lực pháp luật và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên. Căn cứ theo quy định tại các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự, Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử nhận định cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà B phải trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi như yêu cầu nguyên đơn.

[5] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán số tiền vay theo hợp đồng phát hành thẻ số LN2301118140195 có hồ sơ giải ngân số 343-P-9398223 ngày 17 tháng 01 năm 2023 với số tiền vay 168.000.000 đồng, tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn rút lại toàn bộ đối với yêu cầu này, nên áp dụng Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đình chỉ xét xử yêu cầu trên.

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 242.378.615 đồng x 5% = 12.119.000 đồng. Vì toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên

Ngân hàng không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 157, Điều 244, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự, Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử.

1. Buộc bà Hồng Ngọc B trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền 242.378.615 (hai trăm bốn mươi hai triệu ba trăm bảy mươi tám nghìn sáu trăm mười lăm) đồng, cụ thể:

Hợp đồng tín dụng LN2104133607006 có hồ sơ giải ngân số LD2110501456 ngày 15 tháng 4 năm 2021, nợ gốc 88.822.992 đồng, nợ lãi 90.399.600 đồng, tổng nợ 179.222.592 đồng.

Hợp đồng tín dụng số 216164006941138100 có hồ sơ giải ngân số LD2135500732 ngày 21 tháng 12 năm 2021, nợ gốc 25.064.834 đồng, nợ lãi 38.091.189 đồng, tổng nợ 63.156.023 đồng.

Kể từ ngày 12 tháng 3 năm 2026, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc theo mức lãi suất tương ứng được quy định tại Hợp đồng tín dụng LN2104133607006 có hồ sơ giải ngân số LD2110501456 ngày 15 tháng 4 năm 2021 và Hợp đồng tín dụng số 216164006941138100 có hồ sơ giải ngân số LD2135500732 ngày 21 tháng 12 năm 2021 cho đến khi trả hết nợ.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu thanh toán số tiền vay phát sinh theo hợp đồng số LN2301118140195 có hồ sơ giải ngân số 343-P-9398223 ngày 17 tháng 01 năm 2023 của Ngân hàng thương mại cổ phần V.

3. Về án phí: Bà Hồng Ngọc B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 12.119.000 (mười hai triệu một trăm mười chín nghìn) đồng.

H lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần V 13.180.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007456 ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 3 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 3 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn hợp